

Bản án số: 665/2023/HS-PT
Ngày 13-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Ông Lê Văn An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 241/2023/TLPT-HS ngày 11 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Ngô Minh K cùng đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo; bị hại ông Nguyễn Đức T, bà Lương Thiều Q, bà Phạm Thị Ánh T1, ông Lưu Thiên H, ông Trần Công Đ, bà Lê Nguyễn Mỹ T2, ông Trần Văn H1, ông Lê Văn N, ông Bạch Văn H2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T3, bà Nguyễn Thị Tuyết N1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Ngô Minh K, sinh năm 1983 tại Cà Mau; nơi thường trú: 175/20 Phó C, Phường F, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đ5; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn K1 và bà Nguyễn Thị V; có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 02/6/2020. *(Có mặt)*

2. Hoàng Tấn T4, sinh năm 1985 tại Đồng Nai; nơi thường trú: ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nơi ở: 307 Lô A, cư xá T, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phó tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đ5; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Hoàng V1 và bà Đoàn Thị T5; có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 02/12/2021. *(Có mặt)*

3. Phương Cẩm T6, sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 4 B, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần Đ5; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phương Hòa X và bà Huỳnh Thị Kim L; có vợ chưa có con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 02/12/2021. *(Có mặt)*

4. Tiêu Trọng T7, sinh năm 1984 tại Tây Ninh; nơi thường trú: A L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần Đ5; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tiêu Trọng T8 và bà Phạm Kim V2; có vợ và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 02/12/2021. *(Có mặt)*

5. Trần Mạnh H3, sinh năm 1992 tại Nghệ An; nơi thường trú: H Ông Í, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: A H, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phó tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đ5; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Kim S và bà Lê Thị H4; có vợ và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giam từ ngày 02/12/2021. *(Có mặt)*

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Ngô Minh K và Hoàng Tấn T4:

+ Luật sư Nguyễn Hồng N2 – Đoàn Luật sư Thành phố H; *(Vắng mặt)*

+ Luật sư Nguyễn Bá T9 – Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

Địa chỉ: 2 P, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Tấn T4 và Phương Cẩm T10 theo yêu cầu của bị cáo: Luật sư Trần Quang T11 – Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

Địa chỉ: A M, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bào chữa cho bị cáo Tiêu Trọng T7 theo yêu cầu của bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn H5 – Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

Địa chỉ: 4 L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Mạnh H3 theo yêu cầu của bị cáo:

+ Luật sư Huỳnh Trung H6 – Đoàn Luật sư Thành phố H; *(Có mặt)*

+ Luật sư Phan Văn T12 – Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: A đường số A, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị hại có kháng cáo:

1. Ông Nguyễn Đức T. *(Có mặt)*

Địa chỉ: A Tỉnh lộ 7, Tổ I, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lương Thiếu Q. *(Có mặt)*

Địa chỉ: B T, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Phạm Thị Ánh T1. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: 8 Ông Í, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T1: Bà Nguyễn Hoàng Anh T13, sinh năm 2000. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

4. Ông Lưu Thiên H. *(Có mặt)*

Địa chỉ: căn hộ F, block B, số H A, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H: Luật sư Nguyễn Lê Khắc H7 – Đoàn Luật sư Thành phố H. *(Có mặt)*

Địa chỉ: 4 N, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Trần Công Đ. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: D ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

6. Bà Lê Nguyễn Mỹ T2. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: C T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Trần Văn H1. *(Vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1: Bà Lê Thị L1, sinh năm 1985. *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

8. Ông Lê Văn N. *(Vắng mặt)*

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Bà Lê Thị Thùy T14, sinh năm 1993. *(Có mặt)*

Cùng địa chỉ: G T, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ông Bạch Văn H2. *(Có mặt)*

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*

1. Ông Huỳnh Văn T3.

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết N1. *(Có mặt)*

Địa chỉ: D K, Khu phố A, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1: Bà Văn Thị Hoài S1, sinh năm 1995. *(Có mặt)*

Địa chỉ: 5 P, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các bị hại và những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Tòa án không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Pháp nhân Công ty cổ phần Đ5 (viết tắt là Công ty Đ5):

Công ty Đ5 được Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 09/01/2017, trụ sở tại A L, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, do Ngô Minh K, Triệu Duy T15, Trần Mạnh H3 và Dương Thị Kim T16 cùng đứng tên thành lập. Công ty có vốn điều lệ là 2.000.000.000 đồng, được chia thành 200.000 cổ phần, trong đó Ngô Minh K là người đại diện theo pháp luật và là Tổng giám đốc nắm 80.000 cổ phần, mỗi người còn lại nắm 40.000 cổ phần. Công ty đăng ký hoạt động với các ngành nghề kinh doanh: Đại lý môi giới, đấu giá, vận tải hành khách đường bộ khác, dịch vụ phục vụ đồ uống, tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất...

- Ngày 19/5/2017, Công ty Đ5 đăng ký thay đổi lần thứ 1, thay đổi về ngành, nghề kinh doanh và thay đổi về cổ đông sáng lập trong đó Ngô Minh K nhận chuyển nhượng 40.000 cổ phần từ ông Triệu Duy T15.

- Ngày 18/9/2017, Công ty Đ5 đăng ký thay đổi lần thứ 2, thay đổi địa chỉ trụ sở chính về số A V Trong, phường B, quận B, tăng vốn điều lệ lên 50.000.000.000 đồng.

- Ngày 13/11/2018, Công ty Đ5 đăng ký thay đổi lần thứ 3, thay đổi địa chỉ trụ sở chính về số A- A V Trong, phường B, quận B.

- Ngày 21/12/2018, Công ty Đ5 đăng ký thay đổi lần thứ 4, thay đổi đại diện pháp luật, thay đổi ngành nghề kinh doanh của công ty, bổ sung thêm ông Phạm Hữu T17 là đại diện pháp luật của Công ty, chức danh Phó Giám đốc, thay đổi chức danh Ngô Minh K là Tổng giám đốc kiêm Chủ tịch hội đồng quản trị.

2. Diễn biến hành vi phạm tội:

Sau khi thành lập Công ty Đ5, Ngô Minh K đã tổ chức thực hiện hành vi lừa đảo trong hoạt động kinh doanh bất động sản với phương thức cụ thể như sau:

Bước 1: Ngô Minh K dùng tư cách cá nhân để ký kết Hợp đồng đặt cọc, với mục đích nhận chuyển nhượng một lượng lớn đất thổ cư, đất nông nghiệp, đất công ích... trên địa bàn của tỉnh Long An và Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn tiền cá nhân và tiền chiếm đoạt được từ khách hàng.

Bước 2: Sau khi đạt được thỏa thuận nhận chuyển nhượng đất (hầu hết chỉ mới hoàn tất đặt cọc), thậm chí có trường hợp không liên quan đến lô đất, nhưng Ngô Minh K đã tổ chức vẽ lập bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500, đặt tên Dự án khu dân cư, quảng cáo gian dối là đất nền, pháp lý đầy đủ, trên các thửa đất trên, dù chưa hoàn

tất thủ tục nhận chuyển nhượng, không thực hiện thủ tục đăng ký lập, dự án khu dân cư theo quy định pháp luật;

Bước 3: Thông qua pháp nhân Công ty Đ5 với tư cách là Chủ đầu tư, thực hiện quảng cáo gian dối về các dự án dân cư không có thật, để ký kết Hợp đồng đặt cọc, hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất hứa hẹn chuyển nhượng nền đất nhằm chiếm đoạt tiền của khách hàng.

Để tạo lòng tin và thu hút sự đầu tư từ khách hàng, K đưa ra các chính sách, khuyến mãi: quy định giá bán đối với các nền đất thổ cư không có thật rẻ hơn giá thị trường tại thời điểm giao dịch; chiết khấu từ 5% đến 10% đối với khách hàng đóng ngay 95% giá trị nền đất thổ cư không có thật sau khi ký hợp đồng; cam kết bồi thường 50% và hoàn lại toàn bộ vốn đầu tư khi không thực hiện giao đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng thời hạn.

Với phương thức, thủ đoạn thông qua ba bước để thực hiện hành vi lừa đảo nêu trên, Ngô Minh K đã vẽ, lập nhiều dự án dân cư không có thật tại địa bàn tỉnh Long An và Thành phố Hồ Chí Minh; tự phân lô tách thửa trái pháp luật, quảng cáo gian dối; ký kết hợp đồng đặt cọc, hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất để bán cho nhiều bị hại, qua đó chiếm đoạt của 93 người bị hại với tổng số tiền 74.882.091.000 đồng (Chi tiết theo phụ lục 7B kèm theo).

Cụ thể gồm những dự án không có thật như sau:

(1). Dự án E: được vẽ trên tổng diện tích 4.805m², thuộc các thửa đất 705, 706 và 163, tờ bản đồ số 8, thuộc ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Thửa đất số 705, tờ bản đồ số 8, có diện tích 1.407m², mục đích sử dụng ban đầu là đất trồng cây hàng năm khác sau đó chuyển đổi mục đích là đất ở tại nông thôn, được UBND huyện C cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 0709545, số vào sổ cấp GCN: CS07755 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 29/5/2017 cho ông Huỳnh Văn T3, địa chỉ: ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Thửa đất số 706, tờ bản đồ số 8, có diện tích 1.512m², mục đích sử dụng ban đầu là đất chuyên trồng lúa nước sau đó chuyển đổi mục đích là đất ở tại nông thôn, được UBND huyện C cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK006385, số vào sổ cấp GCN: CS08144 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 21/8/2017 cho ông Huỳnh Văn T3.

- Thửa đất số 163, tờ bản đồ số 8, có diện tích 1.886m², mục đích sử dụng ban đầu là đất chuyên trồng lúa nước sau đó chuyển đổi mục đích là đất ở tại nông thôn, được UBND huyện C cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK006384, số vào sổ cấp GCN: CS08143 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 21/8/2017 cho ông Huỳnh Văn T3.

Cả 03 thửa đất trên được ông T3 tiến hành cải tạo, san lấp mặt bằng và làm hồ sơ xin cơ quan chức năng tách thành 35 thửa đất. Sau đó, Ngô Minh K đã tìm gặp và

đặt vấn đề mua lại toàn bộ 03 thửa đất trên của ông T3 với giá là 7.600.0000.000 đồng. Ngày 6/4/2017, K đặt cọc số tiền là 2.800.000.000đ và cùng ông T3 ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng 03 thửa đất trên. Mới chỉ đặt cọc, chưa hoàn tất việc thanh toán và thủ tục chuyển nhượng, Ngô Minh K sử dụng thông tin 03 thửa đất đất 705, 706 và 163 thuộc ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An, để lập Dự án không có thật, đặt tên là Eco G và bán hết 35 nền đất cho các khách hàng nhưng K không trả hết số tiền còn lại cho ông T3 mà yêu cầu ông T3 tiếp tục bỏ ra 5.000.000.000 đồng để nâng cấp cơ sở hạ tầng, cộng với số tiền đất chưa trả, K cũng không trả tiền cho ông T3.

Sau khi phân chia thành 35 nền đất thổ cư, đầy đủ cơ sở hạ tầng, Ngô Minh K giao cho các Giám đốc, Trưởng phòng kinh doanh và một số cá nhân tổ chức quảng cáo chào bán dự án. Tiếp đó K sử dụng pháp nhân của Công ty Đ5 để ký kết Hợp đồng đặt cọc, Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các khách hàng để thu tiền bằng hình thức nộp tiền mặt trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản cá nhân của K mở tại Ngân hàng S2.

Đến tháng 11/2018, Ngô Minh K đã môi giới để ông Huỳnh Văn T3 chuyển nhượng lại cả 03 thửa đất trên (lúc này đã được ông T3 hoàn tất thủ tục tách thửa thành 35 thửa đất) cho ông Nguyễn Thanh T18, ngụ tại B, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 14.000.000.000 đồng. Ngày 19/11/2018, ông T18 cùng ông T3 tiến hành công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với 35 lô đất cho 07 cá nhân là người nhà của ông T18 đứng tên, gồm: Võ Công H8, Trần Thị Kim V3, Nguyễn Thị C, Nguyễn Tấn Đ1, Võ Thị Đ2, Nguyễn Thị Kiều O, Nguyễn Văn B.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiếp nhận Đơn của 23 cá nhân tố giác về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của K, thu tổng số tiền 11.565.760.000 đồng, sau đó đã trả 1.420.000.000 đồng và chiếm đoạt số tiền 10.145.760.000 đồng tại Dự án không có thật Eco Garden. Trong đó, Ngô Minh K ký trực tiếp hợp đồng nguyên tắc bán cho 15 cá nhân thu số tiền 6.207.000.000 đồng, đã trả lại 1.070.000.000 đồng, hiện còn chiếm đoạt 5.137.000.000 đồng; Hoàng Tấn T4 ký hợp đồng nguyên tắc bán cho 06 cá nhân thu tổng số tiền là 3.521.760.000 đồng, đã trả lại 350.000.000 đồng, hiện còn 3.171.760.000 đồng; Trần Mạnh H3 ký hợp đồng cho 03 cá nhân thu tổng số tiền là 2.350.000.000 đồng (chi tiết tại Phụ lục 1, Phụ lục 8 kèm theo).

* Kết quả xác minh tại các cơ quan, tổ chức:

- UBND huyện C, tỉnh Long An xác định: Toàn bộ khu đất thuộc các thửa 705, 706, 163, tờ bản đồ số 08, với tổng diện tích 4.805m² trên được Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn T3 và đã được cấp Giấy phép quy hoạch số 04/GPQH ngày 05/01/2018 để thực hiện dự án Khu dân cư ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An cho chủ đầu tư là ông Huỳnh Văn T3 (dự án đã thực hiện thủ tục tách thửa, chuyển quyền), mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 3.559m², diện tích đất công

trình công cộng: 1.246m², theo mảnh trích đo địa chính số 02-2018 tỷ lệ 1:1000 được duyệt ngày 17/01/2018 khu đất được chia thành 35 thửa đất.

- Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện cần Đức, tỉnh Long An xác nhận: tại huyện C, tỉnh Long An, Cơ quan chức năng không cấp phép xây dựng, kinh doanh Dự án khu dân cư tên gọi Eco Garden nêu trên.

- Ngô Minh K khai: ngày 06/4/2017, K ký hợp đồng viết giấy tay mua của ông Huỳnh Văn T3 khu đất diện tích 4.805m² gồm các thửa đất 705, 706 và 163, tờ bản đồ số 8, tại ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An, trị giá 7.600.000.000 đồng. K đưa trước cho ông T3 số tiền là 2.800.000.000 đồng. Ngay sau khi ký hợp đồng Khâm cho nhân viên tên T14 (không rõ lai lịch) vẽ phân lô thành 35 nền đất, quảng cáo và sử dụng pháp nhân của Công ty Đ5 để ký kết Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho khách hàng. Khi đã bán hết các nền đất cho các khách hàng, K không trả tiền cho ông T3 mà yêu cầu ông T3 bỏ tiền ra để nâng cấp làm cơ sở hạ tầng với số tiền 5.000.000.000 đồng. Sau đó K đã môi giới để ông Huỳnh Văn T3 chuyển nhượng lại cả 03 thửa đất trên (lúc này đã được ông T3 hoàn tất thủ tục tách thửa thành 35 thửa đất) cho ông Nguyễn Thanh T18 như trên.

(2). Dự án Eco Garden 3, được vẽ trên tổng diện tích 6.496,50m², thuộc các thửa đất 204, 737, 919, 920, tờ bản đồ số 6, tại Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

* Pháp lý của dự án:

- Các thửa đất số 204, 737, 919, 920, tờ bản đồ số 6, tại Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An, với tổng diện tích là 6.496,50 m², trong đó: thửa đất số 920 có diện tích là 2.252m², thửa đất 919 có diện tích là 2.369m² cùng là đất ở tại nông thôn, thửa đất 737 có diện tích 438m² là đất trồng cây hàng năm khác thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063 và thửa đất số 204 có diện tích 1.437,50m² là đất chuyên trồng lúa nước, thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2063. Toàn bộ khu đất này được ông Võ Văn M chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Kim N3.

Đầu năm 2018, Ngô Minh K nhờ người quen là Trần Thị Lệ T19 đứng tên đặt cọc 4.000.000.000 đồng để mua toàn bộ khu đất trên của bà N3 với giá 17.200.000.000 đồng. Mặc dù chỉ thanh toán tiền cọc, chưa hoàn thành việc chuyển nhượng, chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép làm dự án. Nhưng K tổ chức vẽ lập sơ đồ dự án không có thật đặt tên là Dự án Eco Garden 3, phân chia thành 47 nền đất thổ cư, đầy đủ cơ sở hạ tầng và giao Giám đốc, Trưởng phòng kinh doanh và một số cá nhân tổ chức quảng cáo chào bán dự án này. Tiếp đó K sử dụng pháp nhân của Công ty Đ5 để ký kết Hợp đồng đặt cọc, Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các khách hàng để thu tiền bằng hình thức nộp tiền mặt trực tiếp hoặc chuyển vào tài khoản cá nhân của K số 060131183979 mở tại Ngân hàng S2.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiếp nhận Đơn của 36 cá nhân tố giác về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc bán đất nền cho 36 cá

nhân tại Dự án E 3, thu tổng số tiền là 22.762.056.000 đồng, đã trả lại 3.371.373.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 19.390.683.000 đồng. Trong đó, Ngô Minh K trực tiếp ký hợp đồng nguyên tắc với 18 cá nhân, thu số tiền 12.096.966.000 đồng, đã trả lại 1.750.000.000 đồng và hiện còn chiếm đoạt 10.346.966.000 đồng; Hoàng Tấn T4 ký hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với 05 cá nhân với tổng số tiền đã thu là 3.120.527.000 đồng; Phương Cẩm T10 ký hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với 05 cá nhân thu tổng số tiền là 2.615.440.000 đồng, đã trả lại 200.000.000 đồng và hiện còn 2.415.440.000 đồng; Tiêu Trọng T7 ký kết hợp đồng với 04 cá nhân thu tổng số tiền 2.724.773.000 đồng, đã trả lại 1.121.373.000 đồng và hiện còn 1.603.400.000 đồng; Ngoài ra, Lê Nam Hoài T20 và Triệu Duy T15 ký hợp đồng với 4 cá nhân, để Công ty Đ5 thu tổng số tiền là 1.764.350.000 đồng, đã trả lại số tiền là 300.000.000 đồng và còn chiếm đoạt 1.464.350.000 đồng (chi tiết tại Phụ lục 2, Phụ lục 8 kèm theo).

* Kết quả xác minh tại các cơ quan, tổ chức:

- UBND huyện C, tỉnh Long An xác nhận:

Căn cứ Quyết định số 2796/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện C; Căn cứ Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt điều chỉnh phụ lục II Quyết định số 2796/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến 2020 của huyện C.

+ Thửa đất số 919, tờ bản đồ số 6, xã L thuộc quy hoạch một phần đất ở tại nông thôn diện tích khoảng 1.608m², một phần đất cơ sở S3 diện tích khoảng 761m².

+ Thửa đất số 204, tờ bản đồ số 6, xã L thuộc quy hoạch một phần đất ở tại nông thôn diện tích khoảng 79m², một phần đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp diện tích khoảng 128m², một phần đất giao thông diện tích khoảng 1230,5m². Do đó, thửa 204 không đủ điều kiện để lập quy hoạch đất ở.

+ Thửa đất số 920, tờ bản đồ số 6, xã L thuộc quy hoạch một phần đất ở tại nông thôn diện tích khoảng 860m², một phần đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp diện tích khoảng 1.392m².

+ Thửa đất số 737, tờ bản đồ số 6, xã L thuộc quy hoạch một phần đất ở tại nông thôn diện tích khoảng 45m², một phần đất giao thông diện tích khoảng 393m². Do đó, thửa đất 737 không đủ điều kiện để lập quy hoạch đất ở.

- Qua rà soát, kiểm tra tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Long An không có hồ sơ, dữ liệu liên quan đến dự án Eco garden 3 tại ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Ngô Minh K khai: khoảng đầu năm 2018, K có mua khu đất diện tích 6.496,50m², gồm 4 thửa như trên, tại ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An của bà Đỗ Thị Kim N3 với giá 17.200.000.000 đồng, đặt cọc trước 4.000.000.000 đồng. Việc

đặt cọc được phòng C8 tại xã L, huyện C chứng nhận. Khâm nhờ người quen là Trần Thị Lệ T19, cư ngụ tại quận T đứng tên đặt cọc sau đó không thực hiện việc chuyển nhượng.

Sau khi đặt cọc K đã cho nhân viên tên T14 vẽ lập, phân lô thành 47 nền đất tự đặt tên là Dự án Eco Garden 3, sau đó giao cho các Giám đốc, Trưởng phòng kinh doanh triển khai để bán cho các khách hàng.

* Các cá nhân liên quan khác khai như sau:

- Bà Đỗ Thị Kim N3 khai: thông qua người môi giới bà đồng ý bán khu đất trên giá bán là 14.840.000.000 đồng. Ngày 08/3/2018, bà N3 đến Văn phòng C9 gặp người mua là Tân Thị Lệ T21 (cùng một số người đàn ông khác không nhớ rõ). Chị T21 đặt cọc trước số tiền 2.000.000.000 đồng, hẹn 30 ngày sau sẽ hoàn tất việc mua bán. Sau đó, chị T21 nhiều lần hứa hẹn không thực hiện tiếp việc mua bán cũng không trả tiền cho đến nay. Bà N3 khai không biết Ngô Minh K cũng không thành lập dự án gì với khu đất trên.

- Bà Tân Thị Lệ T21 khai: đầu năm 2018, đứng tên đặt cọc dùm cho người bạn trai là V4 Lê là Việt kiều, quốc tịch Mỹ, để mua khu đất tại ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Ngày 08/3/2018, tại Văn phòng C9, huyện C, tỉnh Long An, bà T21 đặt cọc cho bà Đỗ Thị Kim N3 số tiền 2.000.000.000 đồng. Khoảng một tháng sau, người này nói không mua khu đất trên nữa, sẽ rút tiền cọc về nên chị T21 cũng không hỏi và cắt đứt liên lạc cho đến nay.

- Bà Bùi Ngọc H9 khai: hiện tại đang đứng tên chủ quyền khu đất tại ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An nêu trên, nguồn gốc là do bà H9 mua lại của Đỗ Thị Kim N3. Bà H9 làm thủ tục sang tên đổi chủ và được chi nhánh V11 đăng ký đất đai tại huyện C, tỉnh Long An cấp sổ. Sau khi mua khu đất thì bà H9 không san lấp và làm cơ sở hạ tầng và thành lập dự án gì cho đến nay và bà H9 không biết Ngô Minh K là ai.

(3). Dự án Eco Garden 4, được vẽ trên tổng diện tích 5.088 m², thuộc các thửa đất 07, 158, 47, 06, 565 tờ bản đồ số 2, Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An:

Quá trình điều tra xác định: 05 thửa đất 07, 158 (thửa cũ 56), 47 (thửa cũ 57), 06 và 565 thuộc Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An, với tổng diện tích 5.088m², mục đích sử dụng đều là đất ở nông thôn, thuộc sở hữu của ông Tô Thanh T22, ông Nguyễn Văn H10 cùng vợ là Nguyễn Thị Lệ T23. Vào ngày 09/4/2018, ông Tô Thanh P (là cha ruột của ông Tô Thanh T22) đại diện những chủ đất ký hợp đồng chuyển nhượng bằng giấy tay khu đất trên cho Ngô Minh K, giá chuyển nhượng là 13 tỷ đồng. Sau khi ký hợp đồng, K có đặt cọc 1 tỷ đồng và sau đó chuyển nhiều lần cho các chủ đất với số tiền tổng cộng là 8 tỷ đồng. Do còn thiếu tiền, Ngô Minh K thỏa thuận vay của ông Nguyễn Văn H10 số tiền 5 tỷ đồng để trả dứt điểm cho phía chủ đất và đồng ý cho ông H10 đứng tên các thửa đất trên. Sau đó, ông H10 làm thủ tục xin tách thửa nhưng không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ông H10 đòi lại tiền gốc cùng lãi suất nhưng K không có tiền nên vay của ông Nguyễn Thế C1 số

tiền là 8 tỷ đồng, thỏa thuận tiền lãi 3%. Khâm trả cho ông H10 6 tỷ đồng và đồng ý cho ông C1 đứng tên các thửa đất trên để thế chấp. Tháng 11/2018, Ngô Minh K đã môi giới để ông C1 chuyển nhượng lại cả 05 thửa đất trên cho ông Nguyễn Thanh T18 với giá 14 tỷ đồng. Khu đất trên sau đó được ông T18 xin tách thành 40 thửa nhỏ và cho người thân đứng tên trên giấy chủ quyền là Nguyễn Tấn Đ1, Lê Văn C2, Lê Thị Bé N4, Trương Thị H11. Sau đó, Lê Văn C2 chuyển nhượng lại cho bà Hồ Thị H12, bà Trương Thị H11 đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Tấn P1, bà Lê Thị Bé N4 chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Trung H13.

Như vậy, mặc dù chưa hoàn tất chuyển nhượng đối với 05 thửa đất trên, Ngô Minh K đã tổ chức vẽ lập, phân lô thành 36 nền đất tự đặt tên là Dự án Eco Garden 4, sau đó quảng cáo và sử dụng pháp nhân của Công ty Đ5 để ký kết Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho 14 khách hàng, thu tổng số tiền là 8.563.420.000 đồng, đã trả 400.000.000 đồng và chiếm đoạt 8.163.420.000 đồng. Trong đó, Ngô Minh K trực tiếp ký hợp đồng nguyên tắc với 03 cá nhân, thu số tiền 1.559.360.000 đồng, đã trả lại 300.000.000 đồng và hiện còn chiếm đoạt 1.259.360.000 đồng; Hoàng Tấn T4 ký hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với 09 cá nhân thu số tiền 5.772.860.000 đồng, đã trả lại 100.000.000 đồng và hiện còn chiếm đoạt 5.672.860.000 đồng; Phương Cẩm T10 ký hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với 02 cá nhân thu tổng số tiền là 1.231.200.000 đồng (chi tiết tại Phụ lục 3, Phụ lục 8 kèm theo).

- Kết quả xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Long An: Cơ quan chức năng không cấp phép xây dựng, kinh doanh Dự án khu dân cư tên gọi Eco Garden 4 nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, Ngô Minh K thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra, Ngô Minh K còn khai: Ngày 09/4/2018, Ngô Minh K đã ký hợp đồng chuyển nhượng viết tay mua của ông Tô Thành P2 khu đất gồm 5 thửa: số 07, 158 (thửa cũ 56), 47 (thửa cũ 57), 06 và 565 thuộc ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Giá của khu đất trên được ông P2 bán là 13 tỷ đồng, K đặt cọc trước số tiền 1 tỷ đồng. Sau đó K đã tổ chức vẽ lập, phân lô thành 36 nền đất tự đặt tên là Dự án Eco Garden 4 và quảng cáo, sử dụng pháp nhân của Công ty Đ5 để ký kết Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho khách hàng. Quá trình từ khi ký hợp đồng Khâm đã trả được cho phía chủ đất số tiền là 8.000.000.000 đồng, còn thiếu 5.000.000.000 đồng nên Khâm thỏa thuận vay của ông Nguyễn Văn H10 số tiền trên để trả dứt điểm cho phía chủ đất và đồng ý cho ông H10 đứng tên các thửa đất trên. Sau đó, ông H10 làm thủ tục xin tách thửa nhưng không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Phía ông H10 đòi lại tiền gốc cùng lãi suất nhưng K không có tiền nên vay của ông Nguyễn Thế C1 số tiền là 8.000.000.000 đồng thỏa thuận tiền lãi 3%. Khâm trả cho ông H10 6.000.000.000 đồng và đồng ý cho ông C1 đứng tên các thửa đất trên để thế chấp. Tháng 11/2018, Ngô Minh K đã môi giới để ông C1 chuyển nhượng lại cả 05 thửa đất trên cho ông Nguyễn Thanh T18, ngụ tại B, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 14.000.000.000 đồng.

- Qua làm việc các cá nhân liên quan là Tô Thành P2, Tô Thành T24, Nguyễn Văn H10, Nguyễn Thế C1, Nguyễn Thanh T18 đều khai nhận phù hợp với nội dung điều tra.

(4). Dự án Khu dân cư M (E), được vẽ trên tổng diện tích 1857m², thuộc các thửa đất 1014, 1015, 1016, 1017, 369, 372, tờ bản đồ số 7, ấp E, xã M, huyện B, tỉnh Long An:

Quá trình điều tra xác định: 06 thửa đất 1014, 1015, 1016, 1017, 369, 372, tờ bản đồ số 7, tại Ấp E, xã M, huyện B, tỉnh Long An, với tổng diện tích 1857m², mục đích sử dụng đều là đất ở nông thôn, thuộc sở hữu của bà Diệp Mỹ N5, bà Diệp Mỹ L2, ông Lê Xuân N6, bà Lê Thị L3, ông Trần On H14, ông Diệp Quốc T25. Ngày 01/9/2017, Ngô Minh K mua lại 6 thửa đất trên của các chủ đất với giá 5.500.000.000 đồng, việc mua bán được Phòng C10 chứng thực. Ngày 27/11/2017, K ký chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn T26 các thửa đất trên để thế chấp khoản vay 10.000.000.000 đồng để thực hiện dự án H, B trước đó. Sau đó, do K không trả tiền nên ông T26 đã ký chuyển nhượng cho ông Dương Quảng T27 và vợ là Huỳnh Thị H15.

- Kết quả xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Long An: cơ quan chức năng không cấp phép xây dựng, kinh doanh Dự án khu dân cư tên gọi Khu dân cư M và Eco Garden 5 nêu trên.

Như vậy, mặc dù chưa thực hiện xin phép, chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt làm dự án và đã chuyển nhượng toàn bộ 6 thửa đất cho người khác để thế chấp khoản vay khác của mình, nhưng Ngô Minh K đã tổ chức vẽ lập, phân lô thành 15 nền đất tự đặt tên là Dự án Khu dân cư M sau đó đổi tên thành Eco Garden 5, giao cho Giám đốc, Trưởng phòng kinh doanh và các đơn vị môi giới liên kết tổ chức quảng cáo, chào bán dự án này, sử dụng pháp nhân của Công ty Đ5 để ký kết 04 Hợp đồng cho 03 khách hàng, thu tổng số 2.211.760.000 đồng, đã trả 1.680.000.000 đồng và chiếm đoạt 531.760.000 đồng. Trong đó, Ngô Minh K trực tiếp ký hợp đồng với 01 cá nhân, thu số tiền 900.000.000 đồng, đã trả lại 840.000.000 đồng và hiện còn chiếm đoạt 60.000.000 đồng; Hoàng Tấn T4 ký hợp đồng với 01 cá nhân thu số tiền 551.000.000 đồng, đã trả lại 300.000.000 đồng và hiện còn 251.000.000 đồng; Tiêu Trọng T7 ký hợp đồng với 01 cá nhân thu tổng số tiền là 760.760.000 đồng, đã trả lại 540.000.000 đồng và hiện còn 220.760.000 đồng (chi tiết tại Phụ lục 4, Phụ lục 8 kèm theo).

Tại Cơ quan điều tra, Ngô Minh K khai nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời Ngô Minh K khai: ngày 01/9/2017, mua khu đất gồm 6 thửa 1014, 1015, 1016, 1017, 369, 372 tờ bản đồ số 7, tại Ấp E, xã M, huyện B, tỉnh Long An của các chủ đất với giá 5.500.000.000 đồng. Sau khi mua được khu đất này K đã cho san lấp mặt bằng, tổ chức vẽ lập, phân lô thành 15 nền đất tự đặt tên là Dự án khu dân cư M sau đó đổi tên thành Eco Garden 5 và sử dụng pháp nhân của Công ty Đ5 để ký kết Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho khách hàng. Trước đó, Ngô

Minh K vay của ông Nguyễn Văn T26 số tiền 10.000.000.000 đồng để thực hiện dự án H, B. Ngày 27/11/2017, K ký chuyển nhượng lại cho ông T26 các thửa đất này để thế chấp khoản vay trên.

Qua làm việc cá nhân liên quan là ông Nguyễn Văn T26 khai nhận phù hợp với nội dung điều tra.

(5). Dự án Khu đô thị P, được vẽ trên tổng diện tích 20.036m², thuộc các thửa đất 554, tờ bản đồ số 4, thửa 463, 464, 471, 470, 78, 79, 451, 450, 452, 453, 454, 455, tờ bản đồ số 1, tại xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh:

Quá trình điều tra xác định: Các thửa đất 554, tờ bản đồ số 4, thửa 463, 464, 471, 470, 78, 79, 451, 450, 452, 453, 454, 455, tờ bản đồ số 1, tại xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng diện tích 20.036m², với nhiều mục đích sử dụng như đất thổ cư, đất lúa, vườn, ao, thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Tuyết N1 và ông Nguyễn Hữu H16. Ngô Minh K thỏa thuận mua các thửa đất trên với giá trị 57.000.000.000 đồng, thời hạn thanh toán trong vòng 3 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đặt cọc. Ngày 15/9/2017, Ngô Minh K đặt cọc số tiền 4.000.000.000 đồng và tiếp tục thực hiện hợp đồng, K đã chuyển cho bà N1 các đợt tổng cộng là 7.900.000.000 đồng. Sau đó, do K vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng nên ngày 12/02/2018, hai bên ký biên bản thanh lý và chấm dứt biên bản thỏa thuận mua bán, bà N1 đồng ý trả lại cho K số tiền 7.900.000.000 đồng.

- Kết quả xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận Cơ quan chức năng không cấp phép xây dựng, kinh doanh Dự án khu dân cư tên gọi Khu dân cư P nêu trên.

Như vậy, mặc dù chưa hoàn thành việc chuyển nhượng, chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cấp phép làm dự án nhưng Ngô Minh K đã tự đặt tên Dự án khu đô thị P để ký kết Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho 02 khách hàng, thu và chiếm đoạt tổng số tiền là 990.000.000 đồng (chi tiết tại Phụ lục 5, phụ lục 8 kèm theo).

Tại Cơ quan điều tra, Ngô Minh K khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, Ngô Minh K còn khai: Ngày 15/9/2017, Ngô Minh K nhờ Đỗ Thị Ngọc M1 là nhân viên của K đặt cọc cho ông Nguyễn Hữu H16 và bà Nguyễn Thị Tuyết N1 để mua các thửa đất trên. Sau khi ký được hợp đồng đặt cọc, K có ý định xin thực hiện dự án với tên gọi Dự án khu đô thị P nhưng chưa thực hiện và đã sử dụng pháp nhân của Công ty Đ5 để ký kết Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho khách hàng. Sau đó, do vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng nên bà N1 đã hủy hợp đồng đặt cọc như trên.

- Qua làm việc, bà Nguyễn Thị Tuyết N1 khai: Ngày 15/9/2017, có nhận tiền cọc là 4.000.000.000 đồng của Đỗ Thị Ngọc M1 (sau này biết M1 là nhân viên của Công ty Đ5) để bán khu đất gồm các thửa trên với giá 57.000.000.000 đồng và M1 tiếp tục thanh toán cho bà N1 7.900.000.000 đồng. Đến thời hạn theo hợp đồng M1 không thực hiện thanh toán, liên tục hứa hẹn. Do sợ Công ty Đ5 rao bán khu đất cho

người khác nên bà N1 đã làm đơn gửi cơ quan chức năng để ngăn chặn. Ngày 12/02/2018, hai bên đã tiến hành xác lập hủy bỏ hợp đồng đặt cọc, M1 đồng ý mất số tiền cọc là 4.000.000.000 đồng. Số tiền 7.900.000.000 đồng, bà N1 đã nhiều lần trả lại cho M1 hết số tiền trên.

+ Đỗ Thị Ngọc M1 khai: Do trước đây tham gia mua của K một nền đất tại dự án E, nên quen biết. Sau đó, K nhờ M1 đứng tên hợp đồng đặt cọc mua khu đất ở xã H, huyện B. Ngày 15/9/2017, M1 tiến hành đặt cọc cho bà Nguyễn Thị Tuyết N1 số tiền 4.000.000.000 đồng, được Văn phòng C11, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận. Đến thời hạn theo thỏa thuận thì K không có tiền trả nên bà N1 đã hủy hợp đồng đặt cọc, và K đồng ý mất số tiền cọc trên.

(6). Dự án Phú Thọ H, được vẽ trên tổng diện tích 4090,2m², thuộc thửa đất 537, tờ bản đồ số 95, tại phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh:

Quá trình điều tra xác định: Thửa đất 537, tờ bản đồ số 95, tại phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích 4090,2m², mục đích sử dụng là đất nông nghiệp, do ông Mai Văn T28 và 35 cá nhân trong dòng họ cùng đứng tên sở hữu. Ngày 01/8/2017, ông Nguyễn Văn V5 mua thửa đất trên của ông T28 với giá 40.000.000.000 đồng. Sau khi đi làm thủ tục nhận di sản thừa kế và chuyển đổi mục đích sử dụng ông V5 mới biết khu đất bị quy hoạch cây xanh. Qua giới thiệu Ngô Minh K gặp ông Nguyễn Văn V5 để xin mua lại khu đất trên. Ngày 15/11/2018, K cùng ông V5 ký biên bản hợp đồng thanh toán đối với thửa đất trên và đưa trước cho ông V5 số tiền là 1.800.000.000 đồng, sau đó K đòi lại số tiền trên và ông V5 đã chuyển trả cho K. Tiếp đó K nhận làm thủ tục xin phép xóa qui hoạch và xin phép chuyển đổi mục đích thành đất ở đô thị cho ông V5. Từ ngày 06/4/2019 đến 25/5/2019 ông V5 đã chuyển vào tài khoản số 060131183979 của Ngô Minh K với tổng số tiền là 5.900.000.000 đồng để K xin xóa quy hoạch nhưng thực chất K không thực hiện sau đó né tránh.

Trong thời gian hứa làm thủ tục xóa quy hoạch khu đất trên cho ông V5, K đã tổ chức vẽ lập, phân lô thành 52 nền đất tự đặt tên là Dự án P - T và sử dụng pháp nhân của Công ty Đ5 để ký kết Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho khách hàng.

- Kết quả xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận T. Kết quả xác nhận Cơ quan chức năng không cấp phép xây dựng, kinh doanh Dự án Dự án P - T nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định: Ngô Minh K đã đại diện Công ty Đ5 đã ký kết 33 Hợp đồng cho 07 khách hàng, thu và chiếm đoạt tổng số tiền là 27.692.000.000 đồng (chi tiết tại Phụ lục 6B, Phụ lục 8 kèm theo).

Tại Cơ quan điều tra, Ngô Minh K khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, Ngô Minh K còn khai: Sau khi gặp và xin mua lại khu đất trên của ông Nguyễn Văn V5, K có đưa trước cho ông V5 số tiền là 1.800.000.000 đồng. Sau đó do cần tiền nên K đòi lại số tiền trên và được ông V5 chuyển trả cho K. Tiếp đó K nhận làm

thủ tục xin phép xóa quy hoạch và xin phép chuyển đổi mục đích thành đất ở đô thị cho ông V5 nhưng không thực hiện và yêu cầu ông V5 đưa cho K nhiều lần số tiền là 5.900.000.000 đồng để chiếm đoạt. Trong thời gian hứa làm thủ tục xóa quy hoạch khu đất trên cho ông V5, K đã tổ chức vẽ lập, phân lô thành 52 nền đất tự đặt tên là Dự án Phú Thọ H và sử dụng pháp nhân của Công ty Đ5 để ký kết Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho 7 khách hàng để thu tiền như trên.

- Qua làm việc, Ông Nguyễn Văn V5 khai: Cuối năm 2017, ông V5 mua 01 thửa đất số 537, tờ bản đồ số 95, diện tích 4090,2m², đất nghĩa địa, của ông Mai Văn T28. Sau khi làm thủ tục chuyển đổi mục đích, ông V5 mới biết thửa đất này bị quy hoạch cây xanh. Qua giới thiệu, Ngô Minh K gặp ông V5 xin mua lại thửa đất, đưa trước số tiền 1.800.000.000 đồng. Sau đó, K đòi lại số tiền trên và được ông V5 chuyển trả, K nhận lo thủ tục để xóa quy hoạch và chuyển đổi mục đích khu đất trên cho ông V5. Do tin tưởng, ông V5 nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của K với tổng số tiền là: 5.900.000.000 đồng. Đến thời hạn theo thỏa thuận nhưng không thấy kết quả, K né tránh gặp mặt. Khi biết K bị Cơ quan điều tra bắt giam nên ông V5 đã gửi đơn tố cáo.

(7). Dự án Eco City Tân K2, tại Ấp C, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiếp nhận 02 đơn của bà Đinh Thị Lan A và ông Lê Triệu P3 tố cáo Ngô Minh K bán đất nền với tên dự án là Eco City Tân K2, tại Ấp C, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thu và chiếm đoạt tổng số tiền là 4.889.500.000 đồng (chi tiết tại Phụ lục 7, Phụ lục 8 kèm theo).

Tại cơ quan điều tra, Ngô Minh K thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khai nhận: dự án trên không có thật, chỉ là K dự định mua lại 02 nền đất tại Ấp C, xã T của chủ đầu tư khác để bán lại cho bà A, ông P3. Sau đó, K tự ký hợp đồng nguyên tắc với tên gọi tự đặt là dự án E để thu của bà Đinh Thị Lan A số tiền là 2.712.000.000 đồng và của ông Lê Triệu P3 số tiền là 2.177.500.000 đồng. Sau đó, K không thực hiện việc chuyển tiền cho chủ đầu tư và chiếm đoạt.

(8). Dự án H, tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiếp nhận 02 đơn của ông Nguyễn Quyết N7 và bà Nguyễn Thị L4 tố cáo Ngô Minh K bán 02 nền đất với dự án gọi Hưng Phát Center 2, tại ấp L, xã L huyện C, tỉnh Long An, thu tổng số tiền là 3.315.968.000 đồng, đã trả lại số tiền là 1.750.000.000 đồng và chiếm đoạt tổng số tiền là 1.565.968.000 đồng. Trong đó, Ngô Minh K ký hợp đồng thu tổng số tiền là 2.200.000.000 đồng, đã trả lại số tiền là 1.050.000.000 đồng và chiếm đoạt tổng số tiền là 1.150.000.000 đồng; Tiêu Trọng T7 ký hợp đồng thu số tiền 1.115.968.000 đồng, đã trả 258.404.000 đồng, còn lại 857.564.000 đồng (chi tiết tại Phụ lục 7, Phụ lục 8 kèm theo).

Tại cơ quan điều tra, Ngô Minh K thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khai nhận: dự án trên không có thật mà K chỉ dự định mua lại 02 nền đất của chủ đầu

tư khác để bán lại. Sau đó, K sử dụng pháp nhân của Công ty Đ5 để ký kết và chỉ đạo Tiêu Trọng T7 ký kết Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho khách hàng với tên gọi Hưng Phát C3 2, để thu tiền của các khách hàng như trên.

(9). Dự án A, tại xã L, huyện C, tỉnh Long An:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiếp nhận nhận đơn của bà Lê Thị Bích C4 tố cáo Ngô Minh K chiếm đoạt số tiền 550.000.000 đồng trong việc bán đất nền với tên gọi dự án A, tại xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Tại cơ quan điều tra, Ngô Minh K thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khai nhận: có mua 01 nền đất của bà Trần Thị Thái A1 để bán lại cho bà C4. Sau đó K sử dụng pháp nhân của Công ty Đ5 để ký kết Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất bán cho bà C4 với tên gọi dự án A. Do chậm ra sổ nên Ngô Minh K đã lấy lại tiền của bà A1 nhưng chưa trả lại cho bà C4 và sử dụng hết số tiền trên.

Ngày 14/5/2021, Cơ quan điều tra nhận được đơn xin rút đơn tố cáo của bà C4. Qua làm việc bà C4 cho biết xin rút lại đơn và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau.

(10). Dự án Eco Garden 2, tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra tiếp nhận nhận đơn của bà Phạm Kim V2 tố cáo Ngô Minh K chiếm đoạt số tiền 450.000.000 đồng trong việc bán đất nền với tên dự án Eco Garden 2, tại ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Tại cơ quan điều tra, Ngô Minh K thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khai nhận: dự án trên không có thật, K chỉ dự định mua lại 01 nền đất của chủ đầu tư khác để bán lại cho bà V2. Khâm tự ký hợp đồng nguyên tắc với tên gọi tự đặt là dự án E để thu tiền. Sau đó, K không thực hiện việc chuyển tiền cho chủ đầu tư chiếm đoạt số tiền trên.

Tại Cơ quan điều tra bà Phạm Kim V2 xin rút đơn tố cáo với lý do vào ngày 05/10/2018 Ngô Minh K đã trả lại số tiền chiếm đoạt của bà V2 và được con trai bà V2 là Tiêu Trọng T7 ký nhận. Qua làm việc bà V2 xin rút lại đơn và cam kết không thắc mắc khiếu nại gì về sau.

Quá trình điều tra, tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Ngô Minh K, Hoàng Tấn T4, Phương Cẩm T10, Tiêu Trọng T7 và Trần Mạnh H3 thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài bị cáo Ngô Minh K đã khai nhận như trên, các bị cáo còn lại khai nhận như sau:

- Bị cáo Hoàng Tấn T4 khai: bị cáo vào làm việc tại Công ty Đ5 từ khoảng đầu năm 2017, được giao chức vụ là Giám đốc kinh doanh, quản lý nhân viên, mức lương 15.000.000 đồng/tháng. Sau khi Ngô Minh K đi mua đất để làm dự án hoặc đi tiếp xúc và thương lượng với các chủ đầu tư dự án để môi giới bán đất nền các dự án, K về triển khai cho T4 và các giám đốc kinh doanh khác cùng các nhân viên bán hàng (sale). T4 cùng các nhân viên sale tìm kiếm khách hàng bằng cách quảng cáo trên mạng, phát tờ rơi, treo tờ quảng cáo trên đường. Ngoài ra còn tổ chức

đưa khách hàng đi xem dự án, tư vấn cho khách hàng về pháp lý, vị trí, về giá cả, về tiến độ thanh toán và hẹn giao đất giao sổ cho khách hàng. Sau khi, Phó tổng giám đốc Trần Mạnh H3 nghỉ việc thì T4 được K bổ nhiệm lên chức Phó Tổng giám đốc thay cho H3, tăng mức lương lên 30.000.000đ/tháng. Đến khoảng tháng 10/2018, T4 nghỉ việc tại Công ty Đ5.

Đối với việc ký hợp đồng chuyển nhượng các nền đất, T4 khai phù hợp với nội dung vụ án, và khai tại thời điểm rao bán đất nền dự án trên, về pháp lý các dự án Khâm chưa làm thủ tục để xin duyệt dự án và cũng chưa được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chỉ nghe K nói đang xin chủ trương để làm dự án khu dân cư, sẽ ra sổ trong vòng 3-6 tháng. Hoàng Tấn T4 ký hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng đặt cọc tại dự án không có thật Eco Garden, E, Eco Garden 3 và KDC M không có thật như trên, Hoàng Tấn T4 đã giúp cho Ngô Minh K chiếm đoạt số tiền của các cá nhân. Tuy nhiên, T4 khai chỉ hưởng lương hàng tháng chứ không nhận gì trong số tiền các khách hàng đã nộp trong dự án trên.

- Bị cáo Phương Cẩm T10 khai làm việc tại Công ty CP Đ5, từ khi mới thành lập, được giao chức vụ Trưởng phòng kinh doanh, mức lương 8.000.000 đồng/tháng. Đến tháng 4/2018, T10 được bổ nhiệm là Giám đốc sản với mức lương 19.000.000 đồng/tháng. Công việc được giao là chịu trách nhiệm về kinh doanh, triển khai việc bán các đất nền dự án. Sau khi được Ngô Minh K triển khai về dự án, thông tin về chủ đầu tư, pháp lý, T10 cùng các nhân viên bán hàng (sale) tìm kiếm khách hàng bằng cách quảng cáo trên mạng, phát tờ rơi, treo tờ quảng cáo trên đường. Ngoài ra còn tổ chức đưa khách hàng đi xem dự án, tư vấn cho khách hàng về pháp lý, vị trí, về giá cả, về tiến độ thanh toán và hẹn giao đất giao sổ cho khách hàng. Đến thời điểm bán hàng thì tổ chức treo pano quảng cáo, dựng rạp tại khu đất dự án để đón khách. Bản thân Phương Cẩm T10 biết rõ tại thời điểm rao bán, Ngô Minh K chưa trả hết tiền cho bà Đỗ Thị Kim N3, chưa được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép làm dự án khu dân cư; Thực hiện theo chỉ đạo của K, Phương Cẩm T10 với tư cách là Giám đốc Công ty Đ5 đã ký kết với một số cá nhân như trên. T10 không hưởng gì đối với số tiền đã ký hợp đồng và khách hàng đã nộp.

- Bị cáo Tiêu Trọng T7 khai: Vào làm việc tại Công ty Đ5 từ ngày 01/4/2017, được giao chức vụ Giám đốc sản, quản lý các trường phòng kinh doanh và nhân viên bán hàng, với mức lương 5.200.000 đồng/tháng. Sau khi được Ngô Minh K triển khai về dự án, thông tin về chủ đầu tư, pháp lý, T7 cùng các nhân viên bán hàng (sale) tìm kiếm khách hàng bằng cách quảng cáo trên mạng, phát tờ rơi, treo tờ quảng cáo trên đường. Ngoài ra còn tổ chức đưa khách hàng đi xem dự án, tư vấn cho khách hàng về pháp lý, vị trí, về giá cả, về tiến độ thanh toán và hẹn giao đất giao sổ cho khách hàng. Đến thời điểm bán hàng thì tổ chức treo pano quảng cáo, dựng rạp tại khu đất dự án để đón khách.

Bản thân Tiêu Trọng T7 biết khu đất trên tại thời điểm rao bán, Ngô Minh K chưa trả hết tiền cho bà Đỗ Thị Kim N3, chưa được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép

làm dự án khu dân cư; chưa được phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500; chưa được chấp thuận tổng thể mặt bằng hoặc chấp thuận phương án đầu tư hạ tầng kỹ thuật, nhưng tin Ngô Minh K và thực hiện theo chỉ đạo của K, Tiêu Trọng T7 với tư cách là giám đốc Công ty Đ5 đã ký kết hợp đồng với các cá nhân như trên. Toàn bộ số tiền mà T7 ký hợp đồng đều do Công ty Đ5 thu, Ngô Minh K sử dụng, T7 không được hưởng gì.

- Bị cáo Trần Mạnh H3 khai nhận: là người được Ngô Minh K đưa vào đứng tên cổ đông thành lập Công ty Đ5, nhưng chỉ là trên giấy tờ. Thực tế trên hồ sơ như vậy nhưng H3 và các cổ đông khác không đóng góp tiền bạc gì. H3 được giao chức vụ là Phó Tổng giám đốc, nhiệm vụ được giao là quản lý kinh doanh, quản lý nhân viên, mức lương của H3 ban đầu là 12.000.000 đồng/tháng, sau tăng lên 20.000.000 đồng/tháng. Khi được Khâm thông tin về dự án cần bán, H3 triển khai đến các nhân viên bán hàng (S4), tổ chức tìm khách hàng bằng cách quảng cáo trên mạng, phát tờ rơi, treo tờ quảng cáo trên đường. Tư vấn cho khách hàng về pháp lý, vị trí, về giá cả, về tiến độ thanh toán và hẹn giao đất giao sổ cho khách hàng. Bản thân H3 biết rõ tại thời điểm rao bán, khu đất tại dự án E, Ngô Minh K chưa trả hết tiền cho ông Huỳnh Văn T3, chưa được Cơ quan chức năng cấp phép làm dự án khu dân cư nhưng Ngô Minh K đã cho nhân viên vẽ thành sơ đồ tổng thể chia thành 35 lô nền với diện tích từ 80m² đến 100m² và tự đặt tên là dự án Eco Garden, về pháp lý thì chỉ nghe K nói lại sẽ ra sổ trong vòng 3-6 tháng. Sau đó, H3 đã ký trên hợp đồng đặt cọc, hợp đồng nguyên tắc quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Đức T, bà Phạm Thị Ánh T1 giúp cho Ngô Minh K chiếm đoạt số tiền của ông T, bà T1 là: 1.337.000.000 đồng.

Đến cuối năm 2017, H3 nghỉ việc tại Công ty Đ5, H3 khai chỉ hưởng lương hàng tháng không nhận gì về số tiền ông T, bà T1 đã nộp.

- Các bị hại trong vụ án cùng khai nhận nội dung: Sau khi được nhân viên Công ty Đ5 tư vấn về pháp lý các dự án đang được Công ty triển khai, xây dựng, đã có sơ đồ phân lô tổng thể, đưa đi xem đất, cùng các cam kết của Công ty Đ5 nên tin tưởng ký hợp đồng đặt cọc, Hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi phát hiện không có dự án, không được giao đất theo hợp đồng nên đã làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan chức năng yêu cầu xử lý hình sự các đối tượng của Công ty Đ5 và yêu cầu Công ty trả lại số tiền mà các bị hại đã nộp.

- Cơ quan điều tra làm việc với các chủ đất, yêu cầu các chủ đất nộp lại toàn bộ số tiền Ngô Minh K đã trả cho các chủ đất là nguồn tiền do phạm tội mà có. Các chủ đất cho biết sẽ giao nộp lại số tiền trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã có Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu tổng đạt cho các chủ đất đề nghị nộp lại tổng số tiền là 18.800.000.000 đồng.

3. Kết quả điều tra khác:

3.1. Kết quả trích xuất dữ liệu trong máy tính (CPU) thu giữ của Ngô Minh K, thể hiện sổ quỹ tiền mặt năm: 2017, 2018, 2019 như sau:

- Năm 2017: thời gian từ 15/01/2017 đến 31/12/2017, thu vào số tiền 88.405.324.000 đồng, chi ra số tiền 88.400.000.000 đồng, số dư cuối kỳ là 5.150.676 đồng.

- Năm 2018: thời gian từ 02/01/2018 đến 31/12/2018, thu vào số tiền 139.837.406.000 đồng, chi ra số tiền 139.835.456.000 đồng, số dư cuối kỳ là 1.950.000 đồng.

- Năm 2019: thời gian từ 02/01/2019 đến 16/9/2019 thu vào số tiền 24.314.360.000 đồng, chi ra số tiền 24.314.360.000 đồng, số dư cuối kỳ là 10.000 đồng.

- Số tiền chiếm đoạt được K sử dụng:

+ Thanh lý cho các khách hàng: thời gian từ 15/01/2017 đến 16/9/2019 số tiền là: 86.848.894.000 đồng.

+ Chi tiền lương, hoa hồng, M2 cấp cho nhân viên: 15.200.895.000 đồng.

+ Chi tiền đặt cọc đất, các chi phí làm hồ sơ, chi phí san lấp thời gian từ 31/12/2017 đến 31/12/2018 số tiền là: 37.457.435.000 đồng.

Ngoài ra còn các khoản tiêu xài cho cá nhân Ngô Minh K.

3.2. Kết quả giám định:

- Kết luận giám định số 2055/KLGD-TT ngày 24/12/2019 của phòng K5 Công an Thành phố H như sau:

+ Chữ ký mang tên “Ngô Minh K” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A3, đến A5, A7, từ A10 đến A23 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký của Ngô Minh K trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M4 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ AN THỊNH LAND - M.S.D.N: 0314192020 - C.T.C.P - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A8, từ A10 đến A19, từ A21 đến A23 (đã nêu ở mục II. 1), so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu dung làm mẫu so sánh ký hiệu M4 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một con dấu đóng ra.

+ Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ AN THỊNH LAND - M.S.D.N: 0314192020 - C.T.C.P - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A9, A20 (đã nêu ở mục II. 1) so với hình dấu tròn có cùng nội dung “CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ AN T49 - M.S.D.N: 0314192020 - C.T.C.P - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH” trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh ký hiệu M4 (đã nêu ở mục II.2) không phải do cùng một con dấu đóng ra, tuy nhiên qua giám định chữ ký, chữ viết trên hợp đồng thể hiện hợp đồng này do Ngô Minh K ký.

- Kết luận giám định số 4472/KLGD-TT ngày 09/8/2021 của phòng K5 Công an Thành phố H như sau:

+ Chữ ký đứng tên Trần Mạnh H3 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 (đã nêu ở mục II. 1) so với chữ ký đứng tên Trần Mạnh H3 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký đứng tên Tiêu Trọng T7 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A4 đến A14 so với chữ ký đứng tên Tiêu Trọng T7 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M4 đến M6 do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký đứng tên Hoàng Tấn T4 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A15 đến A26 (đã nêu ở mục II.1) so với chữ ký đứng tên Hoàng tấn Thành trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M7 đến M9 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra.

+ Chữ ký đứng tên Phương Cẩm T10 trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A27 đến A30 (đã nêu ở mục II. 1) so với chữ ký đứng tên Phương Cẩm T10 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M10 đến M12 9 đã nêu ở mục II.2) do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn có nội dung “M.S.D.N: 0314192020-C.T.C.P-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY CỔ PHẦN Đ6 THỊNH LAND” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A28 (đã nêu ở mục II. 1) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M13 (đã nêu ở mục II.2) do cùng một con dấu đóng ra.

3.3. Kết quả xác minh về việc đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ngô Minh K:

- Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H, các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các quận, huyện cho biết đến nay: Ngô Minh K không đứng tên bất kỳ bất động sản nhà, đất nào tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh C cho biết đến nay: Ngô Minh K không đứng tên bất kỳ bất động sản nhà, đất nào tại tỉnh Cà Mau.

- Quá trình điều tra xác định được Nguyễn Hồng Đ3 (vợ của K) có đứng tên căn nhà số D L, phường B, quận B, ngày 22/7/2019, đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm: 1945, ngụ: 115/68 L, phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kết quả xác minh tại phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H, Ngô Minh K có đứng tên đăng ký chiếc xe ô tô hiệu Audi biển số 51F- 987.36, qua lời khai K cho biết chiếc xe trên mua lại của bà Tăng Thị Thanh H17 vào năm 2017 với giá 400.000.000 đồng. Sau đó, K cầm cố xe cho người khác nhưng không có tiền trả lãi nên K đã bỏ xe, không nhớ người hiện giữ chiếc xe trên. Phòng C đã ngăn chặn trên chương trình đăng ký trong trường hợp đến làm thủ tục sang tên đổi chủ.

- Vật chứng thu giữ: toàn bộ vật chứng thu giữ theo Lệnh nhập kho vật chứng số 413-36 ngày 09/3/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố H.

Tại bản Cáo trạng số 500/CT-VKS-P3 ngày 13/10/2022, Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Ngô Minh Khâm, Hoàng Tấn Thành, Phương Cẩm T10, Tiêu Trọng T7 và Trần Mạnh H3 (có lý lịch nêu trên) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2023/HS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (áp dụng đối với các bị cáo Ngô Minh K, Hoàng Tấn T4, Phương Cẩm T10, Tiêu Trọng T7);

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (áp dụng đối với bị cáo Trần Mạnh H3);

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình phạt chính, biện pháp tư pháp:

1.1. Xử phạt bị cáo Ngô Minh K tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/6/2020.

1.2. Xử phạt bị cáo Hoàng Tấn T4 18 (mười tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2021.

1.3. Xử phạt bị cáo Phương Cẩm T10 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2021.

1.4. Xử phạt bị cáo Tiêu Trọng T7 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2021.

1.5. Xử phạt bị cáo Trần Mạnh H3 11 (mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2021.

1.6. Buộc bị cáo Ngô Minh K phải trả lại số tiền 74.043.314.000 đồng cho 90 bị hại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.7. Buộc các ông bà sau đây phải nộp lại số tiền đã giao dịch với bị cáo Ngô Minh K từ nguồn tiền do phạm tội mà có để trả lại cho các bị hại:

- Huỳnh Văn T3 nộp lại số tiền 2.800.000.000 đồng.
- Đỗ Thị Kim N3 nộp lại số tiền 4.000.000.000 đồng.
- Tô Thanh T22 nộp lại số tiền 8.000.000.000 đồng.
- Nguyễn Thị Tuyết N1 nộp lại số tiền 4.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/3/2023 các bị cáo Ngô Minh K, Hoàng Tấn T4, Phùng Cẩm T29, Tiêu Trọng T7 và Trần Mạnh H3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Những bị hại Bạch Văn H2, Trần Công Đ, Lê Văn N, Trần Văn H1, Lưu Thiên H, Lương Thiếu Q, Lê Nguyễn Mỹ T2 có kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm do còn bỏ lọt tội phạm (đơn ngày 02, 07, 08 và 13/3/2023).

Bị hại Nguyễn Đức T, Nguyễn Ánh T30 có đơn kháng cáo ngày 13 và 14/3/2023 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Mạnh H3.

Ngày 08/3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết N1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và không đồng ý trả lại số tiền 4.000.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

Ngày 13/3/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn T3 kháng cáo không đồng ý trả lại số tiền 2.800.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo và người bị hại có kháng cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo đều thống nhất về tội danh và điều khoản đã truy tố, xét xử đối với bị cáo, đồng thời nêu hoàn cảnh, điều kiện phạm tội của bị cáo K do xảy ra sự cố trong hoạt động kinh doanh, số tiền bị cáo nhận từ các bị hại đã chi phí cho hoạt động công ty, đầu tư vào các khu đất làm dự án. Đối với các bị cáo còn lại đều có vai trò phạm tội hạn chế, bị phụ thuộc vào hành vi của bị cáo K và thực tế là không hưởng lợi từ số tiền chiếm đoạt, chỉ nhận tiền lương. Riêng bị cáo Hoàng Tấn T4 tại phiên tòa phúc thẩm xuất trình đơn bãi nại của 02 bị hại nhưng đơn không có chứng thực chữ ký; bản thân bị cáo cho rằng mình không có sự liên kết chặt chẽ với bị cáo K mà chỉ làm theo lệnh nên đề nghị khoan hồng giảm nhẹ cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Mạnh H3 cho rằng án sơ thẩm chưa xem xét khách quan, thấu đáo về hành vi của bị cáo, chưa làm rõ tình tiết khi H3 vào làm việc trong công ty thì mọi hoạt động đều thông qua sự điều hành của bị cáo K; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và khắc phục một phần hậu quả dù hoàn cảnh khó khăn và được hai bị hại bãi nại. Đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Tiêu Trọng T7 đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo vì bị cáo có vai trò hạn chế, không hưởng lợi gì từ hành vi của bị cáo K, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, hình phạt đã tuyên là nặng so với vai trò của bị cáo nên xin khoan hồng cho bị cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Lưu Thiên H yêu cầu hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại đối với khoản tiền bị cáo K có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại vì bị cáo khai đã sử dụng tiền chiếm đoạt để xoay chuyển dòng vốn cho các dự án tiếp theo và thanh toán tiền lương hơn 35 tỷ đồng, nếu xem xét toàn bộ khoản tiền chiếm đoạt gần 74 tỷ đồng phải bồi thường thì cần điều tra thêm để thu hồi cho bị hại. Ngoài ra, án sơ thẩm còn bỏ lọt tội phạm đối với Ngô Minh K3 và Hoàng Phi L5 và những người làm trong công ty do những đối tượng này đã tham gia ký kết và giao dịch, lôi kéo khách hàng để tiếp tục chiếm đoạt tiền trong những dự án tiếp theo nên không thể vô can. Riêng bà Nguyễn Ngọc Kim N8 là kế toán công ty P8 về hoạt động hạch toán trong nội bộ nhưng đã theo chỉ đạo của bị cáo K để K rút hết khoản tiền lớn mà không ngăn cản là đồng tình với hành vi phạm tội của K, việc không xem xét vai trò đồng phạm của bà N8 là thiếu sót. Đối với Đỗ Thị Kim N3 là chủ đất của dự án Eco 3 đã bán cho bà Trần Thị Lệ T19 và ông Vincent L6, yêu cầu làm rõ vai trò của những người này trong việc giao nhận tiền để thu hồi về cho bị hại nếu có. Do hậu quả bị cáo gây ra cho các bị hại quá lớn nên cần xét xử nghiêm và để tạo điều kiện cho các bị hại có cơ hội nhận lại tiền bị chiếm đoạt, đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại nguồn tiền và tài sản của bị cáo để tạo điều kiện thi hành đối với phần tuyên buộc trách nhiệm dân sự.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết N1 yêu cầu sửa án sơ thẩm, không buộc bà N1 phải hoàn trả 4.000.000.000 đồng tiền cọc đã nhận cho bị cáo để trả cho các bị hại vì số tiền đó đã giao lại cho bị cáo thông qua bà Đỗ Thị Ngọc M1, là người bị cáo K nhờ đứng tên trên hợp đồng đặt cọc.

Bị cáo K xác định bị cáo và bà M1 chưa nhận lại khoản tiền này, đây là tiền bị cáo lấy của các bị hại trong những dự án trước đó để giao cho bà N1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án hai cấp đã tuân thủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đơn kháng cáo của các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định, hợp lệ.

Về yêu cầu kháng cáo: Xét án sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng pháp luật và áp dụng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, cũng như nhận định đúng các vấn đề về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng để tuyên xử phù hợp. Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tình tiết, tài

liệu, chứng cứ nào mới. Do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo bị oan, không hưởng lợi gì trong số tiền Vũ Thành C5 đã chiếm đoạt của các bị hại. Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức:

Đơn kháng cáo của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quá trình tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định về tố tụng, các chứng cứ thu thập được đảm bảo tính khách quan, hợp pháp và đầy đủ để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ nhưng một số người tham gia tố tụng vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định của Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

Trên cơ sở đối chiếu lời khai của các bị cáo, bị hại với những tài liệu, chứng cứ đã thu thập và kết quả giám định, có cơ sở để kết luận: sau khi thành lập Công ty cổ phần Đ5, bị cáo Ngô Minh K đã tổ chức, chỉ đạo cho các đồng phạm thực hiện hành vi lừa đảo trong hoạt động kinh doanh bất động sản theo phương thức: K dùng tư cách cá nhân để ký kết hợp đồng đặt cọc với mục đích chuyển nhượng một lượng lớn đất thổ cư, đất nông nghiệp, đất công ích trên địa bàn của tỉnh Long An và Thành phố Hồ Chí Minh từ nguồn tiền cá nhân và tiền chiếm đoạt được từ khách hàng. Sau khi đạt được thỏa thuận nhận chuyển nhượng đất, mà hầu hết các giao dịch chỉ mới hoàn tất thủ tục đặt cọc, K tổ chức vẽ lập bản đồ quy hoạch chi tiết 1/500, đặt tên dự án khu dân cư, quảng cáo gian dối là đất nền, pháp lý đầy đủ dù chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng, không thực hiện thủ tục đăng ký, lập dự án khu dân cư theo quy định pháp luật. Thông qua pháp nhân P với tư cách là chủ đầu tư, bị cáo đã thực hiện việc quảng cáo gian dối về các dự án dân cư không có thật để ký hợp đồng đặt cọc, hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hứa hẹn chuyển nhượng nền đất nhằm chiếm đoạt tiền của khách hàng là những bị hại trong vụ án.

Để tạo lòng tin và thu hút khách hàng đầu tư, K đưa ra các chính sách khuyến mãi như quy định giá bán rẻ hơn giá thị trường tại thời điểm giao dịch, chiết khấu từ 05 đến 10% đối với khách hàng đóng ngay 95% giá trị nền đất thổ cư không có thật sau khi ký hợp đồng; cam kết bồi thường 50% và hoàn lại toàn bộ vốn đầu tư khi không thực hiện giao đất đúng thời hạn...

Thực chất, hành vi trên được xác định có yếu tố gian dối và chiếm đoạt tài sản của các bị hại từ thời điểm ký kết hợp đồng để nhận tiền, vì đối tượng giao dịch là

đất nền từ dự án không có thật nên không thể xem đây là thỏa thuận dân sự hợp pháp. Việc cam kết hoàn trả tiền hay bồi thường cũng chỉ là phương thức tạo lòng tin đối với khách hàng nhằm tránh việc bị tố giác hành vi đến cơ quan chức năng, bởi lẽ với 93 bị hại đã ký hợp đồng và nộp tiền nhưng đến khi xét xử sơ thẩm bị cáo cũng không hề hoàn trả cho bị hại, toàn bộ các tài khoản nhận tiền đều không có số dư.

Kết quả điều tra xác định: bằng thủ đoạn trên, từ ngày 15/01/2017 đến ngày 16/9/2019, với việc chào bán 10 dự án khu dân cư không có thật do bị cáo tự đặt tên gồm: Khu dân cư E, E, Eco Garden 4, M (E), Eco City Tân K2, Khu đô thị P, Hưng Phát C3 2, Phú Thọ H dưới danh nghĩa pháp nhân là Công ty Đ5 để tổ chức quảng cáo gian dối nhằm dẫn dắt, giới thiệu khách hàng đến công ty này ký các hợp đồng đặt cọc, hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng nền đất thổ cư, có đầy đủ cơ sở hạ tầng, trong thời gian nhất định sẽ giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khách hàng, bị cáo Ngô Minh K cùng các bị cáo Trần Mạnh H3, Phương Cẩm T6, Tiêu Trọng T7 và Hoàng Tấn T4 đã ký hợp đồng với nhiều khách hàng, thu tổng cộng 83.503.464.000 đồng từ 93 bị hại. Toàn bộ số tiền này đã được K sử dụng cá nhân.

Hành vi của các bị cáo là cố ý cùng thực hiện thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại, đủ cơ sở quy kết về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Là đồng phạm thực hiện tội phạm có tổ chức, bị cáo Ngô Minh K là người giữ vai trò chủ mưu cầm đầu, ký nhiều hợp đồng nhất với 51 cá nhân để thu về 51.634.826.000 đồng và tự sử dụng toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt nên phải chịu trách nhiệm hình sự nặng nhất, đồng thời phải chịu trách nhiệm dân sự bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại. Bị cáo Hoàng Tấn T4 với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực, trực tiếp ký hợp đồng với 21 cá nhân trong 04 dự án với tổng trị giá hợp đồng 15.298.950.000 đồng và số tiền bị hại phải được hoàn trả đến thời điểm xét xử là 12.216.147.000 đồng nên là người phải chịu trách nhiệm thứ hai sau bị cáo K.

Đối với các bị cáo khác cũng thực hiện vai trò giúp sức tích cực là Phương Cẩm T10 trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng nền đất cho 07 cá nhân tại 02 dự án làm cho các bị hại bị chiếm đoạt số tiền 3.646.640.000 đồng; Tiêu Trọng T7 trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng nền đất cho 06 cá nhân tại 03 dự án làm cho các bị hại bị chiếm đoạt số tiền 2.240.000.000 đồng và Trần Mạnh H3 đã ký hợp đồng đặt cọc, hợp đồng chuyển nhượng nền đất cho 03 cá nhân tại 01 dự án làm cho họ bị chiếm đoạt 2.350.000.000 đồng cũng đã được Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá về mức độ tham gia và hậu quả của hành vi để tuyên phạt.

Xét các bị cáo đã có hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, tài sản chiếm đoạt có giá trị đặc biệt lớn đến 75.323.687.000 đồng và phạm tội đối với nhiều người, với thủ đoạn tinh vi và không có ý thức khắc phục hậu quả. Án sơ thẩm đã vận dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trên cơ sở phân hóa trách nhiệm hình sự để tuyên mức án phù hợp với từng bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự, do bị cáo K đã tự sử dụng toàn bộ tài sản chiếm đoạt, các bị cáo còn lại chỉ nhận tiền lương và không hưởng lợi gì khác nên án sơ thẩm buộc bị cáo K phải chịu toàn bộ trách nhiệm bồi thường là phù hợp.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Huỳnh Văn T3, Tô Thanh T22, Nguyễn Thị Tuyết N1, Đỗ Thị Kim N3 là những chủ đất đã thỏa thuận nhận tiền cọc của bị cáo: do liên quan đến hành vi phạm tội, tiền nhận được có nguồn gốc do bị cáo chiếm đoạt của các bị hại nên những người này phải giao nộp lại để trả cho các bị hại.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Các bị cáo đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Trần Mạnh H3 còn được bị hại Nguyễn Đức T, Nguyễn Ánh T30 kháng cáo xin giảm hình phạt: xét hành vi của các bị cáo thực hiện trong thời gian dài, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị đặc biệt lớn, các bị cáo không có động thái khắc phục hậu quả. Ngoài bị cáo K, các bị cáo còn lại tuy có vai trò phụ thuộc nhưng hiểu rõ ý đồ của bị cáo K mà vẫn tiếp tay trong các hoạt động dưới danh nghĩa pháp nhân để chiêu dụ người bị hại đến giao dịch và nộp tiền và bị chiếm đoạt. Do đó tuy không buộc các bị cáo này chịu trách nhiệm dân sự về bồi thường nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự theo mức độ tham gia và gây thiệt hại. Các kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt đều không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với các bị hại Bạch Văn H2, Trần Công Đ, Lê Văn N, Trần Văn H1, Lưu Thiên H, Lương Thiệu Q, Lê Nguyễn Mỹ T2 có kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm do còn bỏ lọt tội phạm đối với trường hợp của Ngô Minh K3, Hoàng Phi L5: quá trình điều tra đã thực hiện làm rõ về hành vi có liên quan của K3 và L5, kể cả kết quả điều tra bổ sung cũng xác định K3 và L5 không hưởng lợi ích vật chất nào và không biết được ý đồ của Ngô Minh K, không tham gia ký kết hợp đồng mà chỉ bị K yêu cầu thay mặt mình trả lời với các bị hại khi họ đến khiếu nại. Do vậy không đủ căn cứ để kết tội đối với K3 và L5.

Cơ quan điều tra cũng chứng minh được các trường hợp khác như kế toán và nhân viên sale của Công ty, người phụ nữ tên T14 đã vẽ bản đồ dự án... đều không biết được tính chất hành vi của các bị cáo, họ không hưởng lợi từ việc chiếm đoạt tài sản của các bị hại mà chỉ hưởng lương theo công việc nên không buộc những người này chịu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Kháng cáo của các bị hại về những nội dung trên là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do bị buộc hoàn lại tiền đặt cọc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bị cáo để hoàn trả cho các bị hại thấy rằng: do bị cáo đã có ý định lừa dối từ khi tiến hành giao dịch và hành vi đã thực hiện đã bị quy kết là tội phạm nên không xem giao dịch dân sự giữa bị cáo và các đương sự này là giao dịch hợp pháp, bị cáo cũng khai nhận nguồn tiền để mang đi đặt cọc là nhận từ các bị hại, đây

là tài sản do phạm tội mà có nên buộc phải hoàn trả. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này.

Quá trình điều tra còn xác định các đối tượng Lê Nam Hoài T20, Triệu Duy T15 đã trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng đất nền dự án Eco Garden 3 cho 04 trong số 93 người bị hại, gây thiệt hại 1.464.350.000 đồng, án sơ thẩm quy trách nhiệm dân sự cho Ngô Minh K bồi thường cho 04 bị hại này nhưng về nhân thân, lai lịch và hành vi cụ thể của T20, T15 chưa xác định được nên kiến nghị tiếp tục xác minh làm rõ.

Án sơ thẩm không xác định trường hợp phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo K có vai trò chủ mưu, cầm đầu và các bị cáo còn lại có vai trò giúp sức theo mệnh lệnh của K là thiếu sót. Hội đồng xét xử bổ sung phần này cho đầy đủ nhưng không làm thay đổi bản chất vụ án.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định. Các bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (áp dụng đối với các bị cáo Ngô Minh K, Hoàng Tấn T4, Phương Cẩm T10, Tiêu Trọng T7);

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (áp dụng đối với bị cáo Trần Mạnh H3);

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình phạt chính, biện pháp tư pháp:

1.1. Xử phạt bị cáo Ngô Minh K tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/6/2020.

1.2. Xử phạt bị cáo Hoàng Tấn T4 18 (mười tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2021.

1.3. Xử phạt bị cáo Phương Cẩm T10 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2021.

1.4. Xử phạt bị cáo Tiêu Trọng T7 13 (mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2021.

1.5. Xử phạt bị cáo Trần Mạnh H3 11 (mười một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/12/2021.

1.6. Buộc bị cáo Ngô Minh K phải trả lại số tiền 74.043.314.000 đồng cho 90 bị hại, cụ thể số tiền phải trả cho mỗi bị hại là:

1. Ông Nguyễn Đức T số tiền 277.000.000 đồng
2. Bà Lương Thiệu Q số tiền 445.000.000 đồng
3. Ông Phạm Văn Anh D số tiền 513.000.000 đồng
4. Ông Nguyễn Văn A2 số tiền 140.000.000 đồng
5. Bà Phạm Thị Ánh T1 số tiền 1.300.000.000 đồng
6. Bà Thái Kim H18 số tiền 148.600.000 đồng
7. Bà Thái Kim P4 số tiền 49.600.000 đồng
8. Ông Nguyễn Thành H19 số tiền 375.000.000 đồng
9. Ông Trần Hiếu T31 số tiền 351.500.000 đồng
10. Ông Nguyễn Minh H20 số tiền 255.000.000 đồng
11. Ông Lê Ngọc T32 số tiền 532.000.000 đồng
12. Bà Huỳnh Thị N9 số tiền 418.000.000 đồng
13. Ông Huỳnh Văn Đ4 số tiền 418.000.000 đồng
14. Bà Võ Thị Mộng T33 số tiền 253.400.000 đồng
15. Bà Dương Thất M3 số tiền 532.000.000 đồng
16. Bà Đỗ Thị Tuyết V6 số tiền 522.000.000 đồng
17. Bà Lê Thị Ngọc M4 số tiền 535.000.000 đồng
18. Ông Lê Hoàng M5 và bà Phạm Thị Bích T34 số tiền 150.000.000 đồng
19. Ông Nguyễn Quang H21 số tiền 1.119.100.000 đồng
20. Ông Vũ Hoàng N10 số tiền 315.900.000 đồng
21. Ông Nghiêm Sơn N11 số tiền 286.000.000 đồng
22. Ông Đặng Hữu T35 số tiền 646.000.000 đồng
23. Bà Trương Thu T36 số tiền 696.780.000 đồng
24. Ông Lưu Thiên H số tiền 764.235.000 đồng
25. Ông Trần Công Đ số tiền 650.000.000 đồng
26. Bà Ngô Huỳnh Tuyết P5 số tiền 206.000.000 đồng
27. Bà Phan Thị Kim M6 số tiền 348.400.000 đồng
28. Bà Mai Thị L7 số tiền 381.207.000 đồng

29. Bà Ngô Thị L8 số tiền 738.585.000 đồng
30. Ông Huỳnh Văn B1 và bà Trần Thị Bích Hợp s tiền 1.087.440.000 đồng
31. Ông Trần Phú L9 số tiền 782.926.000 đồng
32. Bà Huỳnh Thị N12 số tiền 766.600.000 đồng
33. Bà Lê Kim T37 số tiền 668.800.000 đồng
34. Bà Nguyễn Thị Hồng M7 số tiền 668.800.000 đồng
35. Bà Lê Nguyễn Mỹ T2 số tiền 614.820.000 đồng
36. Bà Hà Bích L10 số tiền 310.000.000 đồng
37. Bà Phạm Thị Trúc L11 số tiền 317.000.000 đồng
38. Ông Đinh Văn B2 số tiền 500.000.000 đồng
39. Bà Thái Thị Bích T38 số tiền 1.050.000.000 đồng
40. Ông Trịnh Ngọc V7 786.900.000 đồng
41. Ông Nguyễn Đình N13 số tiền 688.500.000 đồng
42. Bà Nguyễn Thị T39 số tiền 645.000.000 đồng
43. Ông Nguyễn Văn N14 số tiền 577.640.000 đồng
44. Bà Nguyễn Thị Mỹ L12 số tiền 1.045.000.000 đồng
45. Ông Võ Minh H22 số tiền 550.400.000 đồng
46. Ông Lê Văn H23 số tiền 470.800.000 đồng
47. Ông Võ Quốc C6 số tiền 210.000.000 đồng
48. Ông Phạm Quốc L13 số tiền 320.900.000 đồng
49. Bà Lê Minh N15 số tiền 50.000.000 đồng
50. Ông Nguyễn Trung T40 số tiền 261.280.000 đồng
51. Bà Đỗ Thanh T41 số tiền 674.500.000 đồng
52. Ông Trần Văn H1 số tiền 440.000.000 đồng
53. Ông Lê Văn N số tiền 399.000.000 đồng
54. Ông Trần Văn T42 số tiền 320.000.000 đồng
55. Ông Võ Thành D1 số tiền 222.000.000 đồng
56. Bà Lê Thị Cẩm H24 số tiền 729.600.000 đồng
57. Ông Huỳnh Hải B3 số tiền 365.000.000 đồng
58. Ông Đặng Anh T43 số tiền 779.350.000 đồng
59. Ông Dương Văn L14 số tiền 559.720.000 đồng
60. Ông Nguyễn Thanh H25 số tiền 490.640.000 đồng
61. Ông Phan Văn Á số tiền 550.000.000 đồng

62. Bà Lương Thị Lệ N16 số tiền 589.570.000 đồng
63. Ông Bạch Văn H2 số tiền 306.650.000 đồng
64. Bà Huỳnh Kim D2 số tiền 697.000.000 đồng
65. Ông Bùi Văn T44 số tiền 631.370.000 đồng
66. Bà Nguyễn Thị Kim Y số tiền 677.160.000 đồng
67. Ông Trần Văn T45 số tiền 641.630.000 đồng
68. Ông Thân Đức T46 số tiền 496.400.000 đồng
69. Bà Lê Thị Ngọc D3 số tiền 700.000.000 đồng
70. Bà Nguyễn Thị Kim L15 số tiền 590.710.000 đồng
71. Bà Nguyễn Thị Kim T47 số tiền 720.800.000 đồng
72. Bà Trương Thị Ngọc D4 số tiền 118.650.000 đồng
73. Ông Bùi Đức T48 số tiền 750.000.000 đồng
74. Ông Phạm Hồng P6 số tiền 800.000.000 đồng
75. Ông Nguyễn Duy K4 số tiền 100.000.000 đồng
76. Ông Đoàn C7 số tiền 1.500.000.000 đồng
77. Ông Bùi Văn V8 số tiền 11.010.000.000 đồng
78. Bà Nguyễn Thị Minh P7 số tiền 3.860.000.000 đồng
79. Ông Nguyễn Hữu M8 số tiền 3.772.000.000 đồng
80. Ông Lưu Thới V9 số tiền 220.760.000 đồng
81. Bà Trần Ngọc L16 số tiền 60.000.000 đồng
82. Bà Nguyễn Thanh V10 số tiền 251.000.000 đồng
83. Ông Lê Triệu P3 số tiền 2.177.500.000 đồng
84. Bà Đinh Thị Lan A số tiền 2.712.000.000 đồng
85. Ông Nguyễn Quyết N7 số tiền 857.564.000 đồng
86. Bà Nguyễn Thị L4 số tiền 1.150.000.000 đồng
87. Bà Hoàng Thị Q2 số tiền 350.000.000 đồng
88. Ông Nguyễn Thiện Huy H26 số tiền 640.000.000 đồng
89. Ông Đặng Thanh L17 số tiền 513.000.000 đồng
90. Ông Nguyễn Văn V5 số tiền 5.900.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.7. Buộc các ông bà sau đây phải nộp lại số tiền đã giao dịch với bị cáo Ngô Minh K từ nguồn tiền do phạm tội mà có để trả lại cho các bị hại:

- Huỳnh Văn T3 nộp lại số tiền 2.800.000.000 đồng.
- Đỗ Thị Kim N3 nộp lại số tiền 4.000.000.000 đồng.
- Tô Thanh T22 nộp lại số tiền 8.000.000.000 đồng.
- Nguyễn Thị Tuyết N1 nộp lại số tiền 4.000.000.000 đồng.

Các bị cáo Ngô Minh K, Hoàng Tấn T4, Phương Cẩm T10, Tiêu Trọng T7, Trần Mạnh H3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn T3, Nguyễn Thị Tuyết N1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (6);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Sở Tư pháp TP.HCM (1);
- Công an TP.HCM (1);
- Trại Tạm giam (Chí Hòa) – CATPHCM (6);
- Người tham gia tố tụng (11);
- Lưu VP(3), HS(2).36b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thụy Vũ